

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương
và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới, năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc
gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về
việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng
4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2025,
giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo
dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung, mức hỗ trợ đầu tư xây dựng
cơ sở hạ tầng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên
địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023-2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh*

kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc trình Dự thảo Nghị quyết giao chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 215/BC-HĐND, ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn: Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển bố trí thực hiện Chương trình là 360.090 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 164.605 triệu đồng;

b) Vốn ngân sách tỉnh: 195.485 triệu đồng (nguồn thu tiền sử dụng đất: 95.485 triệu đồng; nguồn xổ số kiến thiết: 100.000 triệu đồng).

2. Phương án phân bổ vốn: Phân bổ 360.090 triệu đồng (ngân sách trung ương là 164.605 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 195.485 triệu đồng, như sau:

a) Phân bổ chi tiết 306.886 triệu đồng (ngân sách trung ương là 154.605 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 152.281 triệu đồng) để thực hiện 189 dự án hoàn thành, chuyển tiếp.

b) Phân bổ sau 53.204 triệu đồng (ngân sách trung ương là 10.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh là 43.204 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hoà

Phụ lục
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NĂM 2025 - BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư				Số vốn còn thiếu so với kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW và NST hỗ trợ	NSH, NSX và huy động khác				Tổng	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG						792.593	641.181	151.412	307.100	360.090	164.605	195.485	95.485	100.000	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC DỰ ÁN						792.593	641.181	151.412	307.100	306.886	154.605	152.281	71.186	81.095	
I	HUYỆN KRÔNG NĂNG						59.029	47.680	11.349	10.585	10.585	7.283	3.302	-	3.302	
1	Đường giao thông từ thôn Đoàn Kết đến thôn Yên Khánh (Đoạn từ thôn Đoàn Kết đến cầu Thác thôn Yên Khánh)	Xã Ea Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	8039339	2023-2025	3483/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	14.800	14.060	740	1.405	1.405	1.405	-	-	-	HT
2	Đường giao thông thôn Ea Châm đến cột mốc 364 Nông trường An Thuận (Đoạn từ nhà ông Dương thôn Ea Châm đến cột mốc 364 nông trường An Thuận)	Xã Ea Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	8039340	2023-2025	3484/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	13.689	13.005	684	435	435	435	-	-	-	CT
3	Đường giao thông từ nhà ông ba Tân thôn Hải Hà đi cột mốc 364 thôn Ea Blông	Xã Ea Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng	8038791	2023-2025	3482/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	7.029	6.678	351	683	683	683	-	-	-	HT
4	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Châm (Đoạn Từ trạm điện T40 đến nhà ông Chiếm)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058682	2023-2025	238/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	956	550	406	310	310	310	-	-	-	CT
5	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Châm (Đoạn Từ nhà ông Đại đến nhà ông Ngân Ea Chiêu)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8057542	2023-2025	234/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	594	350	244	210	210	210	-	-	-	CT
6	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Châm (Đoạn Từ hội trường Ea Châm đến ngã ba nhà ông Trục)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058683	2023-2025	240/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	990	584	406	339	339	-	339	-	339	CT
7	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Châm (Đoạn Từ nhà ông Lịch đến nhà ông Sang)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058684	2023-2025	235/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	982	576	406	351	351	351	-	-	-	CT
8	Đường giao thông nông thôn buôn Đét (Đoạn từ Ngã cua nhà ông Lê Đình Liêm đến ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hoan)	Thôn Buôn Đét, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058592	2023-2025	239/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	957	565	392	340	340	340	-	-	-	CT
9	Đường giao thông nông thôn buôn Đét (Đoạn Từ cuối cổng buôn Đét đến bà Lâm Thị Kiệt)	Thôn Buôn Đét, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058591	2023-2025	237/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	959	566	393	341	341	341	-	-	-	CT

10	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Đinh (Đoạn Từ nhà ông Nguyễn Văn Dũng đến cuối lô nhà ông Huỳnh Đình Bình)	Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8057541	2023-2025	253/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	907	535	372	315	315	315	-	-	-	CT
11	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Đinh (Đoạn từ Cuối lô nhà ông Huỳnh Đình Bình đến giữa lô Ma Khắc Công)	Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059095	2023-2025	250/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	533	315	218	180	180	180	-	-	-	CT
12	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Chiểu (Đoạn từ Nhà ông Hùng đến ông Quán)	Thôn Ea Chiểu, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058685	2023-2025	232/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	990	584	406	359	359	359	-	-	-	CT
13	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Chấm (Đoạn Từ nhà ông Dự đến nhà ông Viện)	Thôn Ea Chấm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058855	2023-2025	233/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	990	584	406	359	359	359	-	-	-	CT
14	Đường giao thông nông thôn thôn Thanh Cao (Đoạn Từ nhà ông Đoàn đến nhà bà Mí)	Thôn Thanh Cao, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058686	2023-2025	254/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	495	292	203	157	157	157	-	-	-	CT
15	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Chấm (Đoạn Từ nhà bà Mí đến nhà ông Điều)	Thôn Thanh Cao, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058859	2023-2025	251/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	660	390	270	245	245	245	-	-	-	CT
16	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Đinh (Đoạn Từ nhà ông Dương đến cầu ông Điều)	Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058788	2023-2025	252/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	610	360	250	220	220	220	-	-	-	CT
17	Đường giao thông nông thôn thôn Bắc Trung (Đoạn Từ ông Chu Văn An đến nhà ông Nguyễn Văn Sặc)	Thôn Bắc Trung, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058789	2023-2025	236/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	966	570	396	345	345	345	-	-	-	CT
18	Đường giao thông nông thôn thôn Quang Trung (Đoạn Từ nhà ông Nhanh đến nhà ông Rính)	Thôn Quang Trung, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059100	2023-2025	249/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	495	292	203	157	157	-	157	-	157	CT
19	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Đinh (Đoạn Từ nhà ông Hội đến nhà ông Điều)	Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059096	2023-2025	226/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	693	409	284	264	264	-	264	-	264	CT
20	Đường giao thông nông thôn thôn Quyết Tâm (Đoạn Từ cổng chào thôn Quyết Tâm đến đập nông trường 49)	Thôn Quyết Tâm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058854	2023-2025	241/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	990	584	406	359	359	-	359	-	359	CT
21	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Chấm (Đoạn Từ nhà ông Chiêm đến nhà ông Dương)	Thôn Ea Chấm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058853	2023-2025	231/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	825	487	338	272	272	-	272	-	272	CT
22	Đường giao thông nông thôn thôn Ea Chấm (Đoạn Từ ngã ba nhà ông Trục Ea Chấm - nhà bà Thu Thao)	Thôn Ea Chấm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058176	2023-2025	230/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	593	350	243	210	210	-	210	-	210	CT
23	Đường giao thông nông thôn buôn Đét (Đoạn Từ ngã ba nhà ông Ma Văn Luận đến đầu cống Buôn Đét)	Thôn Buôn Đét, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058852	2023-2025	247/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	825	487	338	272	272	-	272	-	272	CT
24	Đường giao thông nông thôn buôn Đét (Đoạn Từ nhà ông Ma Văn Luyện đến nhà ông Phạm Văn Sự)	Thôn Buôn Đét, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058851	2023-2025	246/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	962	568	394	343	343	-	343	-	343	CT
25	Đường giao thông nông thôn Ea Đinh (Đoạn từ Ngã ba nhà Hùng Kiêu đến nhà cuối lô ông Nguyễn Văn Dũng)	Thôn Ea Đinh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058850	2023-2025	243/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	869	512	357	297	297	-	297	-	297	CT
26	Đường giao thông nông thôn Ea Chấm (Đoạn Từ nhà ông Viện đến nhà ông Hùng Huế)	Thôn Ea Chấm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059097	2023-2025	229/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	660	390	270	245	245	-	245	-	245	CT

27	Đường giao thông nông thôn Ea Châm (Đoạn từ Nhà ông Dư đến nhà ông Phạm Kham)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058790	2023-2025	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	825	487	338	272	272	-	272	-	272	CT
28	Đường giao thông nông thôn Ea Châm (Đoạn từ Nhà ông Phạm Kham đến nhà Hùng Liên)	Thôn Ea Châm, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059098	2023-2025	248/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	825	487	338	272	272	-	272	-	272	CT
29	Đường giao thông nông thôn Ea Đỉnh (Đoạn Từ ngã ba Nhà ông Mai Văn Hội đến ông Nguyễn Văn Thiệu)	Thôn Ea Đỉnh, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058860	2023-2025	228/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	495	292	203	157	157	157	-	-	-	CT
30	Đường giao thông nông thôn Bắc Trung (Đoạn Từ nhà ông Thông đến nhà ông Chu Văn An)	Thôn Bắc Trung, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8059099	2023-2025	245/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	990	584	406	319	319	319	-	-	-	CT
31	Đường giao thông nông thôn Quang Trung (Đoạn Từ nhà ông Tạng đến nhà ông Nhanh)	Thôn Quang Trung, xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8058687	2023-2025	242/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	825	487	338	232	232	232	-	-	-	CT
32	Sân thể thao xã Ea Tân	Xã Ea Tân	Ban QL xã Ea Tân	8057603	2023-2025	227/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	1.050	700	350	320	320	320	-	-	-	CT
II HUYỆN EA KAR							83.876	60.580	23.296	14.145	14.145	11.120	3.025	2.305	720	
1	Đường giao thông liên xã Ea Pal đi thị trấn Ea Knốp (Đoạn từ nhà ông Khán thôn 9 đến nhà ông Thương thôn 6B xã Ea Pál)	Xã Ea Pal	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8041666	2023-2025	379/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023	7.500	6.750	750	995	995	995	-	-	-	HT
2	Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Cư Ni (Đoạn từ cổng chào thôn 5 đi nhà ông Linh thôn 13 và đoạn từ cổng chào thôn 2 đi nhà ông Hương thôn 2)	Xã Ea Pal	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8041668	2023-2025	374/QĐ-UBND, ngày 24/7/2023	12.316	11.084	1.232	1.349	1.349	1.349	-	-	-	HT
3	Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Cư Prông (Đoạn từ nhà ông Huy thôn 14 đến nhà ông Thượng thôn 6B)	Xã Ea Pal	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8041659	2023-2025	375/QĐ-UBND, ngày 24/7/2023	10.500	9.450	1.050	495	495	495	-	-	-	HT
4	Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Ea Ổ (Đoạn từ nhà ông Hanh Vị thôn 14 đến nhà ông Bảy Mười thôn 8)	Xã Ea Pal	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8041665	2023-2025	380/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023	9.500	8.550	950	890	890	890	-	-	-	HT
5	Đường giao thông trục thôn 1 (từ cổng chào thôn 1 đến nhà ông Nguyễn Quang Thanh)	Thôn 1, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046707	2023-2025	114/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.552	699	853	219	219	219	-	-	-	CT
6	Đường giao thông trục thôn (từ nhà ông Uyển đến nhà ông Nguyễn Quang Thanh)	Thôn 1, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046706	2023-2025	113/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.104	497	607	142	142	142	-	-	-	CT
7	Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà ông Lưu Văn Hoàng đến nhà bà Lê Thị Thắm)	Thôn 2, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046705	2023-2025	112/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.072	482	590	127	127	127	-	-	-	CT
8	Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà ông Nguyễn Văn Lương đến nhà ông Nguyễn Đăng Được)	Thôn 2, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046704	2023-2025	111/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	544	245	299	120	120	-	120	120	-	CT
9	Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà bà Phan Thị Hiền đến nhà ông Hồ Thế Thuận)	Thôn 2, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046708	2023-2025	109/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.408	634	774	164	164	164	-	-	-	CT
10	Đường giao thông trục thôn 4 (từ nhà ông Hà đến nhà ông Lã Văn Tinh)	Thôn 4, xã Ea Pál	Ban quản lý xã Ea Pal	8046709	2023-2025	110/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.120	504	616	149	149	149	-	-	-	CT

11	Đường giao thông trục thôn 5 (từ hộ Hà Văn Tình đến hộ Lưu Văn Minh)	Thôn 5, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046710	2023-2025	108/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.984	893	1.091	293	293	293	-	-	-	CT
12	Đường giao thông trục thôn 6 B (từ nhà ông Ngăn đến nhà ông Nhung)	Thôn 6B, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046724	2023-2025	107/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.216	1.216	-	781	781	-	781	561	220	CT
13	Đường giao thông trục thôn 6B (từ Hội trường thôn đến đất bà Hằng)	Thôn 6B, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046717	2023-2025	106/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.440	1.440	-	875	875	875	-	-	-	CT
14	Đường giao thông trục thôn 6 B (từ nhà bà Hằng đến nhà bà Thạnh)	Thôn 6B, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046711	2023-2025	105/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	640	640	-	270	270	-	270	270	-	CT
15	Đường giao thông trục thôn 6 C (từ Phân hiệu Võ Thị Sáu đi đến nhà ông Đoàn)	Thôn 6C, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046712	2023-2025	104/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.920	864	1.056	269	269	-	269	269	-	CT
16	Đường giao thông trục thôn 6 C (từ nhà ông Lành đến ông Át)	Thôn 6C, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8047030	2023-2025	103/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.872	842	1.030	247	247	-	247	247	-	CT
17	Đường giao thông trục thôn 6 C (từ nhà bà Hương thôn 6C đến sân bóng thôn 6C)	Thôn 6C, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046713	2023-2025	102/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	2.320	1.044	1.276	354	354	-	354	354	-	CT
18	Đường giao thông trục thôn 7 (từ trung tâm xã đến nhà ông Năm)	Thôn 7, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046723	2023-2025	101/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.248	562	686	197	197	197	-	-	-	CT
19	Đường giao thông trục thôn 8 (từ nhà ông Hùng Ba đến nhà ông Hải Hằng)	Thôn 8, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046721	2023-2025	99/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	3.840	1.824	2.016	519	519	519	-	-	-	CT
20	Đường giao thông trục thôn 13 (từ cổng chào thôn đến hết đất nhà ông Tuấn)	Thôn 13, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046720	2023-2025	98/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.360	612	748	142	142	142	-	-	-	CT
21	Đường giao thông trục thôn 13 (từ nhà ông Bảy Hạnh đến nhà ông Sửu)	Thôn 13, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046719	2023-2025	97/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	1.120	504	616	149	149	149	-	-	-	CT
22	Đường giao thông trục thôn 13 (từ nhà ông Hợi Liễu đến nhà ông Hùng Lành)	Thôn 13, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046718	2023-2025	96/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	416	187	229	67	67	67	-	-	-	CT
23	Đường giao thông từ nhà Liễu Linh đến nhà ông Quân Luyện (ĐTH31)	Thôn 14, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046716	2023-2025	95/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	784	353	431	113	113	113	-	-	-	CT
24	Đường giao thông trục thôn 1 (từ nhà ông Luận đến nhà bà Nguyệt)	Thôn 1, xã Ea Păl	Ban quản lý xã Ea Păl	8046715	2023-2025	94/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023	2.480	1.116	1.364	311	311	311	-	-	-	CT
25	Nhà văn hóa xã Ea Păl	Thôn 12, xã Ea Păl	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8041667	2023-2025	381/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023	5.000	2.500	2.500	720	720	720	-	-	-	CT
26	Đường giao thông trục thôn 4 và thôn 13, xã Ea Păl	Xã Ea Păl	Ban Quản lý xã Ea Păl	8090733	2024-2025	167/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã	3.120	1.404	1.716	904	904	904	-	-	-	CT
27	Đường giao thông trục xã ĐX 2 và ĐX 5, xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	8078263	2024-2025	657/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	6.500	5.684	816	3.284	3.284	2.300	984	484	500	CT
III HUYỆN CU M'GAR							62.228	46.090	16.138	25.487	25.487	18.390	7.097	2.980	4.117	
1	Đường giao thông liên thôn từ thôn 2 đi thôn 7 xã Ea Kiết	Thôn 2,7, xã Ea Kiết	Ban QL xã Ea Kiết	8050902	2023-2025	3708a/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	2.600	1.950	650	490	490	-	490	490		CT
2	Đường giao thông từ ngã ba buôn Ja Rai thôn đến Hội trường Thôn Đoàn Kết	Buôn Ja Rai +Thôn Đoàn Kết, xã Ea Kuêh	Ban QL xã Ea Kuêh	8055688	2023-2025	5275/QĐ-UBND ngày 09/10/2023; 5828/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	4.500	2.700	1.800	700	700	700	-	-	-	CT

3	Đường giao thông từ Thôn 15 đi Buôn Thái 2	Thôn 15 + Buôn thái, xã Ea Kuếh	Ban QL xã Ea Kuếh	8056135	2023-2025	5289/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 5829/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2.298	1.350	948	359	359	359	-	-	-	CT
4	Đường giao thông từ UBND xã đi buôn Ayun +Thôn Đoàn Kết xã Cư pong huyện Krông Buk	Thôn Đoàn Kết, xã Ea Kuếh	Ban QL xã Ea Kuếh	8055654	2023-2025	5290/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 5947/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	540	270	270	40	40	-	40	40	-	CT
5	Đường giao thông từ Thôn 15 đi buôn Thái 1 đến thác 12 tầng	Thôn 15 + Buôn thái, xã Ea Kuếh	Ban QL xã Ea Kuếh	8055687	2023-2025	5288/QĐ-UBND ngày 10/10/2023; 5946/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.285	675	610	200	200	-	200	200	-	CT
6	Hệ thống thoát nước 02 bên đường trung tâm xã Ea M'Drôh, huyện Cư M'gar.	Xã Ea M'Drôh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	8075098	2024-2025	5817/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.000	6.300	2.700	3.700	3.700	2.950	750	-	750	CT
7	Đường giao thông liên thôn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Thạch Sơn (ĐX2).	Xã Ea M'Drôh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	8067872	2024-2025	5818/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	4.500	500	2.569	2.569	1.300	1.269		1.269	CT
8	Đường giao thông từ trung tâm xã ra khu xử lý rác thải (ĐX5).	Xã Ea M'Drôh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	8068898	2024-2025	5819/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.220	4.700	520	2.700	2.700	2.150	550	-	550	CT
9	Đường giao thông trục thôn buôn, liên thôn buôn trên địa bàn xã Ea M'Drôh (08 tuyến)	Xã Ea M'Drôh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	8074070	2024-2025	6130/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	13.200	9.900	3.300	7.279	7.279	5.181	2.098	550	1.548	CT
10	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh thuộc đập dâng Ea M'Drôh.	Xã Ea M'Drôh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	8070969	2024-2025	6242/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	14.700	10.250	4.450	5.750	5.750	5.750	-	-	-	CT
11	Đường giao thông liên thôn từ Thôn Thạch Sơn đi Thôn Hợp Thành (ĐX9).	Xã Ea M'Drôh	BQL xã Ea M'Drôh	8070220	2024-2025	5948/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.885	3.495	390	1.700	1.700		1.700	1.700		CT
IV HUYỆN EA H'LEO							39.715	31.890	7.825	19.890	19.890	14.900	4.990	4.340	650	
1	Đường giao thông liên xã Ea H'leo đi Ea Sol, xã Ea H'leo.	Xã Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8076508	2024-2025	4079/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.300	3.870	430	2.270	2.270	2.270	-	-	-	CT
2	Đường giao thông liên thôn từ buôn Dang đi thôn 2C và đường thôn 7 đi hồ Ea H'Leo 1.	Xã Ea H'leo	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8076510	2024-2025	4078/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	2.200	1.650	550	1.350	1.350	700	650	-	650	CT
3	Đường giao thông thôn 4 đi thôn 3 (đoạn từ nhà ông Ry đến nhà ông Dũng thôn 3), xã Ea H'leo.	Xã Ea H'leo	Ban Quản lý xã Ea H'leo	8090772	2024-2025	251/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	350	263	87	163	163	163	-	-	-	CT
4	Đường giao thông liên xã Ea Nam - Dliê Yang (đoạn từ TBA 160 đi thôn 5 xã Dliê Yang).	Xã Ea Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8076511	2024-2025	4077/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.300	3.870	430	2.870	2.870	1.700	1.170	1.170	-	CT
5	Đường giao thông liên thôn (thôn 7 đi thôn 8), xã Ea Nam.	Xã Ea Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8082943	2024-2025	3679/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	7.200	5.400	1.800	2.900	2.900	1.750	1.150	1.150	-	CT
6	Đường giao thông Buôn BRIềng C, Buôn BRIềng B, Buôn Kdruh A (03 tuyến).	Xã Ea Nam	Ban Quản lý xã Ea Nam	8088672	2024-2025	176/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.580	1.935	645	1.135	1.135	1.135	-	-	-	CT
7	Đường giao thông thôn 1, thôn 2A, thôn 3, thôn 4, xã Ea Nam (04 tuyến).	Xã Ea Nam	Ban Quản lý xã Ea Nam	8077071	2024-2025	177/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.783	2.087	696	1.187	1.187	1.187	-	-	-	CT
8	Đường giao thông thôn 5, thôn 6, thôn 7, xã Ea Nam (3 tuyến).	Xã Ea Nam	Ban Quản lý xã Ea Nam	8088674	2024-2025	178/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.800	1.350	450	950	950	-	950	950	-	CT
9	Đường giao thông thôn Ea Đen, xã Ea Nam.	Xã Ea Nam	Ban Quản lý xã Ea Nam	8088673	2024-2025	179/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.260	945	315	545	545	545	-	-	-	CT
10	Đường giao thông thôn 3 đi thôn 5, xã Ea Ral.	Xã Ea Ral	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8076509	2024-2025	4076/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.500	3.375	1.125	1.975	1.975	1.975	-	-	-	CT

11	Đường giao thông Buôn A Riêng, xã Ea Ral.	Xã Ea Ral	Ban Quản lý xã Ea Ral	8103512	2024-2025	146/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	2.434	1.826	608	1.226	1.226	591	635	635	-	CT
12	Đường giao thông Buôn Đoàn Kết và Buôn Tùng, xã Ea Ral (02 tuyến).	Xã Ea Ral	Ban Quản lý xã Ea Ral	8111549	2024-2025	145/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	581	435	146	435	435	-	435	435	-	CT
13	Đường giao thông liên xã Cư Mốt - Ea Wy (đoạn từ thôn 3 đi thôn 4a, 4b), xã Cư Mốt	Xã Cư Mốt	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	8075753	2024-2025	3667/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.427	4.884	543	2.884	2.884	2.884	-	-	-	CT
V	HUYỆN KRÔNG ANA						69.174	53.280	15.894	28.028	28.028	17.318	10.710	7.236	3.474	
1	Đường giao thông liên thôn từ thôn Hòa Tây đi buôn Dham và buôn Knul đi thôn 10/3, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	8049435	2023-2025	3331/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	7.500	7.125	375	2.130	2.130	2.130	-	-	-	CT
2	Đường giao thông liên thôn từ buôn Dham buôn Ea Kruek, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	8049836	2023-2025	3332/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	4.500	4.275	225	1.300	1.300	500	800	800	-	CT
3	Đường giao thông buôn Nac và buôn Ea Kruek, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	8049436	2023-2025	3333/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	3.800	2.850	950	1.330	1.330	550	780	780	-	CT
4	Đường giao thông buôn Sah, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	Xã Ea Bông	Ban QL xã Ea Bông	8054267	2023-2025	114/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND xã	4.500	3.375	1.125	2.250	2.250	1.150	1.100	1.100	-	CT
5	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Bông	Xã Ea Bông	Ban QL xã Ea Bông	8054268	2023-2025	2698/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	6.244	4.371	1.873	1.591	1.591	800	791	791	-	CT
6	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Dur Kmäl, huyện Krông Ana.	Xã Dur Kmäl	Ban Quản lý xã Dur Kmäl	8075255	2024-2025	4068/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.200	2.600	2.600	1.400	1.400	1.400	-	-	-	CT
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn Krang đi buôn Krông, xã Dur Kmäl, huyện Krông Ana (đoạn đèo buôn Krông).	Xã Dur Kmäl	Ban Quản lý xã Dur Kmäl	8075254	2024-2025	4069/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.270	5.640	630	4.140	4.140	2.050	2.090	2.090	-	CT
8	Đường từ ngã ba buôn Triết đi Núi Năm, xã Dur Kmäl, huyện Krông Ana.	Xã Dur Kmäl	Ban Quản lý xã Dur Kmäl	8075502	2024-2025	4070/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.445	4.900	545	3.325	3.325	1.650	1.675	-	1.675	CT
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Dur Kmäl đi xã Quảng Điền, huyện Krông Ana.	Xã Dur Kmäl	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	8072776	2024-2025	4071/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	12.800	8.950	3.850	4.088	4.088	4.088	-	-	-	CT
10	Xây dựng trạm bơm T144 và kiên cố hóa kênh mương cánh đồng B, thôn buôn Triết, xã Dur Kmäl, huyện Krông Ana.	Xã Dur Kmäl	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	8072772	2024-2025	4072/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.000	4.200	1.800	3.325	3.325	1.650	1.675	1.675	-	CT
11	Đường giao thông liên thôn Tân lập đi buôn Ea Na, xã Ea Na, huyện Krông Ana (điểm đầu: Km11+600 tỉnh lộ 2; điểm cuối: buôn Ea Na).	Xã Ea Na	Ban Quản lý xã Ea Na	8073281	2024-2025	4073/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	4.600	3.220	1.380	1.920	1.920	950	970		970	CT
12	Sân thể thao xã Quảng Điền.	Xã Quảng Điền	Ban Quản lý xã Quảng Điền	8074687	2024-2025	138a/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	765	380	385	180	180	-	180	-	180	CT
13	Đường giao thông liên thôn xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (đoạn từ nghĩa địa thôn 4 đi trạm bơm VNSAT).	Xã Quảng Điền	Ban Quản lý xã Quảng Điền	8075097	2024-2025	139a/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.550	1.394	156	1.049	1.049	400	649	-	649	CT
VI	HUYỆN CƯ KUIN						61.538	43.532	18.006	21.450	21.237	13.467	7.770	7.770	-	
1	Đường giao thông thôn 8, thôn 5 đi trung tâm xã Ea Hu	Xã Ea Hu	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8040228	2023-2025	2074/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	6.100	4.575	1.525	455	455	455	-	-	-	HT
2	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 4 (đoạn từ ông Chén đến nhà ông Sỷ)	Xã Ea Hu	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8046572	2023-2025	2486/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	2.550	1.913	637	598	385	385	-	-	-	QT
3	Đường giao thông thôn 1 (Trạm Biển Ấp sau nhà ông ngầu đến nhà Hoàng Đình Huy và đoạn từ Nhà ông Trần Văn Lý đến nhà Phạm Bá Khế)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047514	2023-2025	2507/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.190	893	297	293	293	293	-	-	-	HT

4	Đường giao thông thôn 2 (đoạn từ đình Quảng Lợi đến nhà ông Nguyễn Đăng Quà và đoạn từ nhà Thanh Biên đến nhà ông Ngoan)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047363	2023-2025	2501/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.020	765	255	180	180	-	180	180	-	CT
5	Đường giao thông thôn 3 đi thôn 6 (đoạn từ nhà ông Hải Hiền đến nhà ông Tạ Danh Xuân)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047259	2023-2025	311/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã	629	472	157	117	117	117	-	-	-	CT
6	Đường giao thông thôn 3 đi thôn 4 (đoạn từ nhà ông Thành Hằng đến nhà ông Nghĩa địa thôn 4)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047366	2023-2025	2506/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.190	893	297	293	293	-	293	293	-	HT
7	Đường giao thông thôn 4 (đoạn từ nhà ông Chính Thủy đến nhà ông Phạm Anh)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047368	2023-2025	2502/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.479	1.109	370	284	284	-	284	284	-	CT
8	Đường giao thông thôn 4 (đoạn từ nhà ông Lê Bá Nở đến nhà ông Trần Hữu Vinh thôn 4)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047260	2023-2025	312/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã	680	510	170	155	155	-	155	155	-	HT
9	Đường giao thông thôn 5 (đoạn từ nhà ông Ban đến nhà ông Mã Tiến Đông)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047365	2023-2025	2499/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	935	701	234	221	221	221	-	-	-	HT
10	Đường giao thông thôn 5 (đoạn từ nhà ông nhà ông An đến nghĩa địa thôn 5 và đoạn từ nhà Trần Nho Hùng đến nhà bà Mùi)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047367	2023-2025	2500/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.275	956	319	251	251	251	-	-	-	CT
11	Đường giao thông thôn 6 (đoạn từ nhà bà Nâu đến nhà ông Nghê)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047258	2023-2025	313/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND xã	595	446	149	96	96		96	96		HT
12	Đường giao thông thôn 6 (đoạn từ nhà ông Duy đến nhà ông Hiếu Ngu và đoạn từ nhà ông Cối đến nhà ông Sao)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047364	2023-2025	2504/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.360	1.020	340	105	105	105	-	-	-	HT
13	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ nhà ông Mưư thôn 8 đến nhà ông Vương Mạnh Cường)	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047369	2023-2025	2505/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	1.530	1.148	382	318	318	-	318	318	-	HT
14	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Hu	Xã Ea Hu	Ban QL xã Ea Hu	8047513	2023-2025	2546/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	5.900	2.600	3.300	810	810	-	810	810	-	CT
15	Đường giao thông liên xã Ea Bhók – Ea Ktur (đoạn từ thôn 3 xã Ea Bhók đi thôn 13 xã Ea Ktur).	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8070219	2024-2025	3583/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	3.600	3.240	360	1.840	1.840	1.840	-	-	-	CT
16	Đường giao thông liên buôn từ buôn Ea Kmar đi buôn Ea khít và buôn Ea Bhók.	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8069276	2024-2025	3582/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	8.155	6.116	2.039	4.659	4.659	1.700	2.959	2.959	-	CT
17	Đường giao thông liên thôn từ thôn 2 đi thôn 6 xã Ea Bhók.	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8069275	2024-2025	3584/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	6.400	4.800	1.600	2.800	2.800	2.800	-	-	-	CT
18	Đường giao thông liên thôn buôn từ buôn Ea Bhók đi thôn 7.	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8070552	2024-2025	3585/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.200	3.900	1.300	2.300	2.300	2.300	-	-	-	CT
19	Đường giao thông thôn 1 đi thôn 5; thôn 1 đi buôn Ea Bhók và buôn Ea Bhók đi buôn Kô Êmông.	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8071280	2024-2025	3586/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	6.500	4.875	1.625	3.575	3.575	2.150	1.425	1.425	-	CT
20	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Bhók.	Xã Ea Bhók	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	8102334	2024-2025	3587/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.250	2.600	2.650	2.100	2.100	850	1.250	1.250	-	CT
VII HUYỆN KRÔNG BÚK							49.020	40.674	8.346	16.574	16.574	14.000	2.574	2.075	499	
1	Đường giao thông liên xã từ buôn Cư Yuốt, xã Cư Pong, huyện Krông Búk đi buôn Wing, xã Ea Kuếh, huyện Cư M'gar (đoạn từ km2+854,4-km6+072,44)	Xã Cư Pong	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	8015186	2023 - 2025	4233/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	11.194	10.827	367	1.427	1.427	1.427	-	-	-	HT
2	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Ban Quản lý xã Ea Ngai	8063015	2024-2025	2889/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.250	2.625	2.625	2.025	2.025	1.000	1.025	1.025	-	CT
3	Đường giao thông thôn 1, 2, 3 xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Ban Quản lý xã Ea Ngai	8066483	2024-2025	2891/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.600	2.700	900	2.100	2.100	1.050	1.050	1.050	-	CT

4	Đường giao thông kết nối từ khu dân cư thôn 1, 2, 4, 9 đến các khu sản xuất, xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Ban Quản lý xã Ea Ngai	8066482	2024-2025	2892/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	7.780	5.446	2.334	2.946	2.946	2.946	-	-	-	CT
5	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ QL14 vào Nông trường cao su Cư Kpô, huyện Krông Búk.	Xã Chư Kô	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	8059904	2024-2025	2885/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	11.900	10.710	1.190	3.210	3.210	3.210	-	-	-	CT
6	Đường giao thông từ Trung tâm xã Chư Kô đến Nông trường cao su Cư Kpô, huyện Krông Búk.	Xã Chư Kô	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	8059903	2024-2025	2884/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	9.296	8.366	930	4.866	4.866	4.367	499	-	499	CT
VIII HUYỆN KRÔNG BÔNG							34.900	28.890	6.010	8.198	8.198	6.818	1.380	-	1.380	
1	Đường giao thông liên xã Hoà Thành đi xã Hoà Tân, huyện Krông Bông	Xã Hoà Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	8038999	2023-2025	3288/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	2.800	2.520	280	318	318	318	-	-	-	HT
2	Đường giao thông liên xã Hòa Thành đi xã Cư Êwí, huyện Cư Kuin và Hòa Thành đi xã Dang Kang, huyện Krông Bông	Xã Hoà Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	8038530	2023-2025	3289/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	25.800	23.220	2.580	6.980	6.980	5.600	1.380	-	1.380	CT
3	Nhà văn hóa và sân thể thao xã Hòa Thành	Xã Hoà Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông	8038740	2023-2025	3290/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	6.300	3.150	3.150	900	900	900	-	-	-	CT
IX HUYỆN KRÔNG PẮC							78.510	72.680	5.830	40.248	40.248	8.500	31.748	19.528	12.220	
1	Đường giao thông liên xã (Trục 1: Đoạn từ ngã tư thôn 15 đi thôn 11 xã Ea Uy. Trục 2: đoạn từ ngã ba thôn 13 đi thôn 14 xã Ea Uy)	Thôn 15, Thôn 13, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8068875	2023-2025	4206/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	9.300	9.300	-	4.635	4.635	-	4.635	2.835	1.800	CT
2	Đường giao thông thôn 1 (Trục 1 từ thôn 1 đi thôn Hồ Voi, Trục 2: Đường nội thôn 1)	Thôn 1, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8074691	2023-2025	4224/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	3.898	3.898	-	1.763	1.763	-	1.763	863	900	CT
3	Đường giao thông từ Thôn Cao Vĩnh đi thôn Thăng Quý	Cao Vĩnh, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072604	2023-2025	4225/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	3.015	3.015	-	1.380	1.380	-	1.380	680	700	CT
4	Đường giao thông thôn Thăng Quý (Trục 1 từ nhà ông Thành thôn Thăng Quý đi đường bê tông thôn Phú Quý. Trục 2 từ nhà ông Thành Thăng quý đi đường bê tông Phú quý)	Thăng Quý, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8074855	2023-2025	4210/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	2.354	2.354	-	1.089	1.089	-	1.089	539	550	CT
5	Đường giao thông thôn Phú Quý (Trục 1 từ nhà ông Phong thôn Phú quý đi thôn Thăng Quý. Trục 2 từ ngã ba ông Thanh thôn Phú Quý đi thôn Vân Kiều. Trục 3 từ thôn Phú quý đi thôn 13)	Phú Quý, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8077560	2023-2025	4211/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	4.854	4.854	-	1.414	1.414	-	1.414	714	700	CT
6	Đường giao thông từ thôn Tân quý đi nhà ông Phong Phú Quý	Tân Quý, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072071	2023-2025	4212/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	1.471	1.471	-	706	706	-	706	356	350	CT
7	Đường giao thông từ thôn Phước quý đi thôn 13	thôn 13, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072067	2023-2025	4213/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	1.147	1.147	-	617	617	-	617	317	300	CT
8	Đường giao thông từ nhà Bà Đạm thôn 5 đi thôn Cao Vĩnh	Thôn 5, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072070	2023-2025	4214/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	1.177	1.177	-	347	347	-	347	347	-	CT
9	Đường giao thông từ nhà ông Thuận thôn Sơn Diên đi thôn 12	Sơn Diên, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072069	2023-2025	4215/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	1.912	1.912	-	597	597	-	597	597	-	CT
10	Đường giao thông thôn 9 (Trục 1 từ đường nhựa đi nhà bà tạng. Trục 2 từ đường nhựa vào xóm ông Hốp)	Thôn 9, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8075096	2023-2025	4216/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	4.854	4.854	-	1.414	1.414	-	1.414	714	700	CT
11	Đường giao thông thôn 10 từ đường nhựa đi nhà ông tư	Thôn 10, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8077307	2023-2025	4217/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	809	809	-	219	219	-	219	219	-	CT
12	Đường giao thông từ nhà thờ thôn Vĩnh Sơn đi đường lớn thôn 5 đi trung tâm xã	Thôn Vĩnh sơn, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072603	2023-2025	4218/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	883	883	-	283	283	-	283	283	-	CT
13	Đường giao thông trục thôn 15 đi xóm mới	Thôn 15, xã Vụ Bôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8077305	2023-2025	4219/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	2.207	2.207	-	1.062	1.062	-	1.062	514	548	CT

14	Đường giao thông thôn Thanh Hợp (Trục 1 từ nhà Ông Luận đi vào xóm ông Đức Thanh hợp. Trục 2 từ hội trường thôn đi xóm 3 vòng ra nhà ông ngọt)	Thanh hợp, xã Vụ Bồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8072605	2023-2025	4220/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	3.457	3.457	-	1.072	1.072	-	1.072		1.072	CT
15	Đường giao thông thôn Thanh Sơn (từ đường bê tông buôn Cù Kniel đi vào xóm nhà bà trúc)	Thanh Sơn, xã Vụ Bồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8074856	2023-2025	4221/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	662	662	-	187	187	-	187	187	-	CT
16	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Yiêng.	Xã Ea Yiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8089542	2024-2025	7099/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	10.240	10.173	67	6.931	6.931	-	6.931	3.481	3.450	CT
17	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Hiu.	Xã Ea Hiu	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	8088527	2024-2025	6487/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.350	3.323	27	2.323	2.323	-	2.323	1.173	1.150	CT
18	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Kly.	Xã Ea Kly	Ban Quản lý xã Ea Kly	8075095	2024-2025	7100/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	13.340	10.000	3.340	8.275	8.275	4.950	3.325	3.325		CT
19	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Kênh.	Xã Ea Kênh	Ban Quản lý xã Ea Kênh	8085685	2024-2025	7101/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	9.580	7.184	2.396	5.934	5.934	3.550	2.384	2.384		CT
X	HUYỆN BUỒN ĐÓN						52.635	51.435	1.200	22.990	22.990	-	22.990	4.780	18.210	
1	Đường giao thông liên xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn đi xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn từ buôn Niêng 3, xã Ea Nuôl đi thôn 8 xã Cư Êbur)	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8049439	2023-2025	2829/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	9.300	9.300	-	2.760	2.760	-	2.760	710	2.050	CT
2	Đường giao thông liên xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn đi xã Hòa Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột (đoạn từ ngã 3 Khánh Hân đến ngã 3 đi Hòa Xuân)	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8050289	2023-2025	2827/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	8.400	8.400	-	3.060	3.060	-	3.060		3.060	CT
3	Đường giao thông Buôn Kodung B (đoạn nối từ đường liên xã Ea Nuôl - Hòa Xuân đến Buôn Kodung B)	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8049216	2023-2025	2832/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	3.750	3.750	-	1.130	1.130	-	1.130	1.130	-	CT
4	Nhà văn hóa và sân thể thao xã Ea Nuôl	Xã Ea Nuôl	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8049214	2023-2025	2830/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	6.300	5.700	600	1.665	1.665	-	1.665	515	1.150	CT
5	Đường giao thông liên xã Cuôr Knia - Tân Hòa - Ea Wer	Xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8049438	2023-2025	2828/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	18.585	18.585	-	12.710	12.710	-	12.710	1.910	10.800	CT
6	Nhà văn hóa và sân thể thao xã Tân Hòa	Xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Buôn Đôn	8049215	2023-2025	2831/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	6.300	5.700	600	1.665	1.665	-	1.665	515	1.150	CT
XI	THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT						64.795	44.500	20.295	27.540	27.540	19.700	7.840	4.400	3.440	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã đoạn từ hồ Ea Kao đi Buôn H'Wiê và Buôn H'Drat (02 trục), xã Ea Kao.	Xã Ea Kao	Ban Quản lý xã Ea Kao	8073672	2024-2025	7279/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.970	11.900	3.070	6.967	6.967	5.900	1.067		1.067	CT
2	Cải tạo, mở rộng đường liên xã Ea Kao – Hòa Khánh (Giai đoạn 1).	Xã Ea Kao	Ban QLDA ĐTXD thành phố Buôn Ma Thuột	8071278	2024-2025	7280/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.855	9.600	5.255	5.600	5.600	4.750	850		850	CT
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã tuyến 11A và 12A, xã Hòa Thuận (giai đoạn 1).	Xã Hòa Thuận	Ban Quản lý xã Hòa Thuận	8071446	2024-2025	7281/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.800	11.100	3.700	8.073	8.073	4.050	4.023	3.600	423	CT
4	Đường giao thông liên thôn từ buôn Jù, xã Ea Tu đi thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận (giai đoạn 1).	Xã Ea Tu	Ban Quản lý xã Ea Tu	8072601	2024-2025	7282/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.900	9.600	5.300	5.600	5.600	4.500	1.100		1.100	CT
5	Đường khu sản xuất từ khu dân cư đi khu sản xuất thôn 8 và khu sản xuất làng Thái, xã Hòa Phú (giai đoạn 1).	Xã Hoà Phú	Ban Quản lý xã Hòa Phú	8075500	2024-2025	7283/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.270	2.300	2.970	1.300	1.300	500	800	800		CT
XII	THỊ XÃ BUỒN HỒ						44.633	38.500	6.133	22.000	22.000	11.700	10.300	9.550	750	
1	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Drông (đoạn từ Km2+629,3) đi xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Drông và xã Ea Siên	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8059389	2024-2025	4201/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	14.200	12.780	1.420	7.280	7.280	1.450	5.830	5.830		CT

2	Đường giao thông liên xã từ Thôn 6 xã Ea Drông (đoạn từ Km2+109,3) đi xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Drông và Ea Blang	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8061261	2024-2025	4204/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.400	3.060	340	1.760	1.760	550	1.210	1.210		CT
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Bình Thuận (Đoạn từ Km2+477 - Km6 +250), thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Siên và xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8061262	2024-2025	4203/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.500	8.550	950	4.950	4.950	4.200	750	-	750	CT
4	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ (từ thôn 1B xã Ea Siên đến Buôn Dhu xã Ea Drông).	Xã Ea Siên và xã Ea Drông	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8061263	2024-2025	4205/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	8.210	7.389	821	4.089	4.089	4.089	-	-	-	CT
5	Nâng cấp, cải tạo một số trục đường liên thôn buôn Gram A1-A2, xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ.	Xã Cư Bao	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8060210	2024-2025	4206/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.900	2.925	975	1.725	1.725	500	1.225	1.225		CT
6	Đường từ khu vực dân cư nổi ra nội đồng khu vực sản xuất (Đoạn từ buôn Gram A2 đến trục đường liên xã Cư Bao đi xã EaTul) thuộc xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ.	Xã Cư Bao	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	8059388	2024-2025	4202/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.423	3.796	1.627	2.196	2.196	911	1.285	1.285		CT
XIII HUYỆN M'DRẮK							35.040	26.890	8.150	16.563	16.563	10.183	6.380	5.422	958	
1	Hoàn thiện hệ thống đường giao thông liên xã, trục xã Ea Lai (05 tuyến).	Xã Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8075100	2024-2025	5003/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	12.850	11.562	1.288	6.885	6.885	3.183	3.702	3.702	-	CT
2	Đường giao thông liên thôn, trục thôn các thôn 3, 4 xã Ea Lai (02 tuyến).	Xã Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8075099	2024-2025	4949/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	8.450	6.338	2.112	3.888	3.888	3.400	488	-	488	CT
3	Nhà văn hóa xã, sân thể thao (sân bóng chuyền), xã Ea Lai.	Xã Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8072310	2024-2025	5271/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	5.240	2.620	2.620	1.720	1.720	-	1.720	1.720	-	CT
4	Đường giao thông liên thôn, trục thôn xã Ea Pil (thôn 8, 9, 12).	Xã Ea Pil	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	8073526	2024-2025	5126/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	8.500	6.370	2.130	4.070	4.070	3.600	470	-	470	CT
XIV HUYỆN LẮK							24.980	24.280	700	10.830	10.830	-	10.830	-	10.830	
1	Nhà văn hóa xã, sân thể thao xã (sân bóng chuyền) xã Buôn Triết.	xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	8058737	2024-2025	4072/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.220	5.580	640	2.780	2.780		2.780		2.780	CT
2	Đường giao thông liên thôn từ thôn Mê Linh 2 đi Buôn Tung 1, xã Buôn Triết.	xã Buôn Triết	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	8058738	2024-2025	4071/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	7.020	7.000	20	4.100	4.100		4.100		4.100	CT
3	Đường giao thông liên thôn từ buôn Mliêng đi thôn Hòa Bình 3, xã Đăk Liêng.	xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	8058739	2024-2025	4068/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.220	6.200	20	620	620		620		620	CT
4	Cải tạo, nâng cấp đập dâng cây Dù, xã Đăk Liêng.	xã Đăk Liêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	8058635	2024-2025	4070/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.520	5.500	20	3.330	3.330		3.330		3.330	CT
XV HUYỆN EA SÚP							32.520	30.280	2.240	22.571	22.571	1.226	21.345	800	20.545	
1	Đường giao thông kết nối khu sản xuất thôn 10 xã Ea Bung đi thôn 4 xã Cư Mlan (Đoạn từ ruộng ông Bùi Công Oánh ra Cánh đồng Lâm Xích).	Xã Ea Bung và Cư Mlan	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	8064406	2024-2025	4433/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	3.600	2.500	1.100	1.226	1.226	1.226	-	-	-	CT
2	Đường giao thông thôn 10 (Đoạn từ nhà ông Thủy đến nhà ông Phú).	Thôn 10 Xã Ea Bung	Ban Quản lý xã Ea Bung	8107736	2024-2025	158/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.005	750	255	550	550	-	550	550	-	CT
3	Đường giao thông nối với khu sản xuất cánh đồng thôn 7 (Đoạn từ đường liên xã Ea Bung - Ya Tô Một nhà ông Đàm ra Cánh đồng thôn 7).	Thôn 7, xã Ea Bung	Ban Quản lý xã Ea Bung	8107323	2024-2025	159/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	562	390	172	190	190	-	190	190	-	CT
4	Sân thể thao xã Ea Bung	Xã Ea Bung	Ban Quản lý xã Ea Bung	8107322	2024-2025	157/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	222	110	112	60	60	-	60	60	-	CT
5	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6 (từ giáp đường Ea Súp EaHleo (Kiểu Thị Tài) đến tỉnh lộ 1).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8108877	2024-2025	272/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.975	2.970	5	2.420	2.420	-	2.420	-	2.420	CT

6	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6 (từ nhà bà Hồ Thị Thủy đến tỉnh lộ 1 (nhà ông Cho) và từ nhà bà Biên thôn 6 đến nhà cộng đồng thôn 5)	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8100836	2024-2025	271/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.105	2.100	5	1.650	1.650	-	1.650	-	1.650	CT
7	Đường giao thông thôn 3 (từ tỉnh lộ I (nhà ông Quê) đến suối Ea Súp).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8108114	2024-2025	278/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	1.028	1.023	5	823	823	-	823	-	823	CT
8	Đường giao thông thôn 4 (từ tỉnh lộ I (Cầu Tịnh) đến đất bà Tuấn).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8100835	2024-2025	280/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	655	650	5	350	350	-	350	-	350	CT
9	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 2 (từ tỉnh lộ I (Ông Ngọc) đến nhà Lan Diệp).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107127	2024-2025	276/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	878	873	5	673	673	-	673	-	673	CT
10	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6, 7 (Đoạn từ tỉnh lộ I (Kiều Tinh) đến tỉnh lộ I (Ông Ích Thanh)).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8092083	2024-2025	282/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	2.835	2.830	5	2.230	2.230	-	2.230	-	2.230	CT
11	Đường giao thông thôn 14 (từ nhà ông Sơn đến đường liên xã Ea Lê - Cư Mlân (nhà bà Muôn)).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107489	2024-2025	277/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	841	836	5	636	636	-	636	-	636	CT
12	Đường giao thông thôn 16 (Đoạn từ kênh chính Đông đến nhà bà Lê Thị Thu Hiền).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8101060	2024-2025	281/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	1.899	1.894	5	1.494	1.494	-	1.494	-	1.494	CT
13	Đường giao thông thôn 16 đi thôn 12, 15(đoạn từ kênh chính Đông đến đường liên xã Ea Lê đi Cư Khang và đoạn từ Huỳnh Thị Nga đến Hồ Văn Thứ thôn 16).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8101061	2024-2025	270/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.048	2.043	5	1.608	1.608	-	1.608	-	1.608	CT
14	Đường giao thông thôn 16 (đoạn từ Nguyễn Đình Diệm đến Huỳnh Giáp và từ Mai Văn Hiệp đến Trịnh Minh Đặng thôn 16).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8108647	2024-2025	269/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.888	1.883	5	1.083	1.083	-	1.083	-	1.083	CT
15	Đường giao thông thôn 9 (từ tỉnh lộ I (Tăng Văn Hoà) đến đất ông Hứa Văn Nam).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107485	2024-2025	275/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	925	920	5	770	770	-	770	-	770	CT
16	Đường giao thông thôn 5 (từ tỉnh lộ I (ông Lân) đến ông Có; từ Cây xăng Kiều Thức đến đất ông May và từ Tiên Cường đến nhà bà Yến).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107321	2024-2025	279/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	988	983	5	833	833	-	833	-	833	CT
17	Đường giao thông liên thôn 11 đi thôn 17 (từ Cao Thị Hoà đến phân hiệu trường Nguyễn Văn Trỗi và từ tỉnh lộ 1 đến Cao Văn Hành).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8102488	2024-2025	274/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.119	1.114	5	914	914	-	914	-	914	CT
18	Đường giao thông thôn 2 (từ Phan Văn Châu đến đất ông Trần Viết Ngọc và từ nhà ông Hưng đến đất ông Sơn).	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8104582	2024-2025	273/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.722	1.717	5	1.367	1.367	-	1.367	-	1.367	CT
19	Nhà văn hoá xã Ea Lê.	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107488	2024-2025	284/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	5.000	4.496	504	3.596	3.596	-	3.596	-	3.596	CT
20	Sân thể thao xã Ea Lê.	Xã Ea Lê	Ban Quản lý xã Ea Lê	8107484	2024-2025	283/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	225	198	27	98	98	-	98	-	98	CT
B	PHÂN BỐ SAU										53.204	10.000	43.204	24.299	18.905	